

Số: /QĐ-ĐHL

Tp.Hồ Chí Minh, ngày tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2025
của Trường Đại học Luật TP.HCM

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 3695/QĐ-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2025 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Theo đề nghị của Phòng Tài chính – kế toán;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 của Trường Đại học Luật TP.Hồ Chí Minh (theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng Phòng Hành chính – Tổng hợp, Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán, Trưởng Ban Thanh tra Nhân dân và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, Phòng TC-KT

HIỆU TRƯỞNG

Lê Trường Sơn

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHL ngày /01/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật TP.HCM)

<i>Đơn vị tính: triệu đồng</i>		
STT	Nội dung	Dự toán được giao
A	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ	
I	Số thu	-
1	Phí, lệ phí	
2	Thu sự nghiệp	-
3	Thu hoạt động sản xuất kinh doanh	
II	Chi từ nguồn thu được để lại	-
1	Chi sự nghiệp	-
1.1	Giáo dục - Đào tạo	-
1.2	Khoa học Công nghệ	-
2	Chi hoạt động sản xuất kinh doanh	
III	Số nộp NSNN	-
1	Từ nguồn thu sự nghiệp	
2	Từ nguồn thu hoạt động sản xuất kinh doanh	
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	345,40
I	Giáo dục, đào tạo	345,40
1	Loại 070 - khoản 081	345,40
1.1	Kinh phí thường xuyên	
1.2	Kinh phí không thường xuyên	345,40
2	Loại 070 - khoản 082	-
II	Khoa học và Công nghệ	-
1	Loại 100- khoản 101	-
1.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	-
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
1.2	Kinh phí thường xuyên	
1.3	Kinh phí không thường xuyên	
2	Loại 100 - khoản 102	-
3	Loại 100 - khoản 103	-
III	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	-
1	Loại 250 - khoản 251	-
IV	Đào tạo học sinh Lào - Campuchia	-
1	Loại 400 - khoản 402	-